

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/DS-PT

Ngày: 05/7/2018.

V/v: “ Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi.

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 05/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLPT-DS ngày 09/04/2018 về việc: “ Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 06/2/2018 của Tòa án nhân dân huyện VY bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2018/QĐ-PT ngày 28/5/2018, quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2018/QĐ-PT ngày 07/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1952 (Có mặt).

1.2. Bà Thân Thị T2, sinh năm 1957 (Có mặt).

Đều địa chỉ: Thôn Tr, xã NghTr, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp cho ông T1, bà T2: Ông Nguyễn Đình H1 - Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Đình H1, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang tham gia tố tụng (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Thế C1, sinh năm 1938 (Vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của ông C1: Anh Trần Thế H2, sinh năm 1975 (Có mặt).

2.2. Bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1940 (Vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của bà T3: Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1980 (Có mặt).

Đều địa chỉ: Thôn Tr, xã NghTr, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Trần Thế H2, sinh năm 1975 (Có mặt).

3.2. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1980 (Có mặt).

3.3. Anh Trần Thế Ng1, sinh năm 1973 (Có mặt).

3.4. Chị Trần Thị Ch1, sinh năm 1975 (Có mặt).

Đều địa chỉ: Thôn Tr, xã NghTr, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang: Ông Lê Ô P1- Chủ tịch UBND huyện VY ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lương Ngọc Đức - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VY (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.6. UBND xã NghTr, huyện VY, tỉnh Bắc Giang: Ông Đỗ Văn H3 - Chủ tịch UBND xã NghTr là đại diện, ủy quyền cho ông Nguyễn Như Ng2 - Công chức địa chính, xây dựng xã NghTr, tham gia tố tụng, (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.7. Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang do ông Bùi Thế S1- Giám đốc đại diện, ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B1- Chuyên viên, tham gia tố tụng, (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Xuân T1 - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Tại đơn khởi kiện ngày 22/01/2014 , ông Nguyễn Xuân T1 bà Thân Thị T2, người được ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình H1 trình bày: Năm 1982, ông B1có nợ Thôn Tr, xã NghTr 2000kg thóc, ông B1đã vào miền Nam sinh sống nên chính quyền địa phương có chủ trương ai trả nợ thay ông B1thì sẽ được giao thửa đất của ông B1. Gia đình ông T1 đã nhận trả nợ thay cho ông B1nên chính quyền địa phương đã bàn giao thửa đất của ông B1cho gia đình ông T1. Phía trước thửa đất ở là một cái ao, theo sơ đồ gốc còn lưu trữ ở thôn, xã thì có đường đi từ thửa đất của gia đình ra ngõ, có chiều rộng 03m, có chiều dài khoảng 15m, chạy ra ngõ nhà ông Ch2. Đầu năm 1983, gia đình ông T1 đã làm nhà trên thửa đất này và cùng năm đó xây tường bằng xỉ than để ngăn cách gia đình ông T1 và nhà ông C1, bức tường đến nay vẫn còn. Hai gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp gì từ năm 1982 đến năm 2007 thì xảy ra tranh chấp. Năm 1995, gia đình ông T1 đổi cho Hợp tác xã một cái ao có diện tích 164m², có các cạnh tiếp giáp theo Biên bản đổi đất ngày 11/5/1995 cụ thể như sau: Phía đông giáp mép đường tỉnh lộ 34, cách ao làng; phía Tây bên cạnh bụi tre đến cổng nhà ông T1 dài 22m, trừ lộ giới đi 10m còn lại 12m, còn lại nằm về phía Bắc chạy theo đường 34 (nay là quốc lộ 17) Bắc Giang đi Nhã Nam dài 14m hướng về phía Đông; phía Tây Nam dài từ đường 34 (nay là quốc lộ 17) từ Đông sang Tây là 22m trừ lộ giới 10m còn lại 12m. Đến năm 2007 thì gia đình ông T1 đổ đất lấp ao của gia đình và ao mà gia đình đổi cho Hợp tác xã.

Năm 2000, gia đình ông T1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSD đất) có diện tích là 1316m², trong đó diện tích đất ở là 300m², diện tích đất vườn là 1016m², trong GCN QSD đất đã thể hiện lối đi từ thửa đất ra đường làng có chiều rộng 03m, chiều dài chạy theo bờ cổng. Theo tờ bản đồ số 03 năm 1992, thửa đất số 355 có tổng diện tích 1316m², trong đó bao gồm cả diện tích ao của gia đình, còn diện tích ao đổi cho HTX không nằm trong diện tích đất trên.

Tháng 6/2007, hộ anh H2 chị L1 và hộ anh Ng1 chị Ch1 (là các con của ông C1) xây nhà và mở lối đi vào đường đi nhà ông T1 tân tạo, ông T1 cho rằng gia đình ông C1 lấn chiếm phần đất của gia đình ông T1, UBND xã NghTr đã hòa giải cho hai bên nhưng không thành. Năm 2012, ông C1 chặn ngang cổng nhà ông T1, phá bỏ tường xây gạch xi của gia đình ông bà đã xây năm 1983 để đổ đất thành đất nhà ông C1. Ngày 06/02/2013, UBND xã NghTr đã bàn giao cho gia đình ông C1 thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3, diện tích 36,25m² chắn mất hoàn toàn lối đi của gia đình ông T1.

Nay yêu cầu ông C1 bà T3 phải trả diện tích đất lấn chiếm lối đi chiều rộng 03m, chiều dài khoảng 15m. Đồng thời yêu cầu ông T1 bà T3 phải có trách nhiệm đền bù công sức tân tạo của gia đình ông T1 đối với diện tích ông C1 đang sử dụng mà ông T1 đã tân tạo là khoảng 200m³ đất như biên bản mà Tòa án tiến hành định giá ngày 08/7/2015. Đối với những công trình ông C1 đã xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm thì đề nghị ông C1 phải tháo dỡ trả lại hiện trạng như ban đầu. Đồng thời đề nghị Toà án xem xét việc UBND xã NghTr bàn giao đất cho hộ ông C1.

Bị đơn, ông Trần Thế C1 bà Hoàng Thị T3 uỷ quyền cho anh Trần Thế H2, chị Nguyễn Thị L1 đại diện tham gia tố tụng, trình bày: Gia đình ông C1 bà T3 đã sinh sống ổn định trên đất từ năm 1954 đến năm 2000 được cấp GCN QSD đất với diện tích 659m². Gia đình ông C1 bà T3 có 04 người con, ông bà đã chia thửa đất trên cho các con. Đến nay các con của ông C1 là hộ anh H2 chị L1 và hộ anh Ng1 chị Ch1 đã xây dựng nhà và đều nằm trong diện tích được cấp là 659m², không lấn chiếm bất kỳ diện tích đất nào khác.

Trước năm 1995, trước mặt gia đình ông C1 có 01 ao của Hợp tác xã, gia đình ông T1 có tạo một lối đi trên bờ ao này. Sau đó gia đình ông T1 đổi đất cho thôn lấy diện tích đất ao có mặt đường 15 mét chạy theo tỉnh lộ 398 (nay là quốc lộ 17). Tại biên bản đổi đất ngày 01/5/1995 có nội dung ông T1 không được hót đất bờ ao đi, đây là đất của Hợp tác xã. Năm 2003, tỉnh mở rộng tuyến đường từ Bắc Giang đi Yên Thế nên ao này bị lấp hết. Năm 2007, gia đình ông C1 mở cổng nhà đi ra trước mặt đường quốc lộ 17 thì gia đình ông T1 cản trở không cho gia đình ông C1 xây dựng.

Ngày 11/9/2007, UBND xã NghTr đã kết luận: Phần đất của gia đình ông T1 kéo dài ra tỉnh lộ 398 “trừ hành lang theo quy định” là phần diện tích đất ao của tập thể ưu tiên cho gia đình ông T1 được nộp tiền theo quy định. Phần diện tích đất của ông Ng1 ông H2 (là con trai ông C1 bà T3) kéo dài ra tỉnh lộ 398 “trừ hành lang theo quy định” là phần diện tích đất ao của tập thể ưu tiên cho gia đình ông Ng1, ông H2 được nộp tiền theo quy định. Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 11/9/2007 và Quyết định 191 của UBND tỉnh Bắc Giang, gia đình ông C1 đã nộp tiền đề nghị xử lý đất dôi dư, xen kẹt theo Quyết định 191 có diện tích 36,25m² với mức giá Nhà nước quy định là 2.400.000đồng /1m², tổng số tiền phải đóng là 86.400.000đồng, gia đình ông C1 đã đóng trước 76.400.000đồng, còn 10.000.000đồng thì khi nào xong thủ tục thì gia đình ông đóng tiếp. Ngày 06/02/2013, UBND xã NghTr đã bàn giao đất thực địa cho gia đình ông C1. Tuy nhiên đến nay gia đình ông chưa được cấp GCN QSD đất cho phần đất đã mua và cũng không nhận được thông báo gì.

Nay người được ủy quyền của bị đơn khẳng định không lấn chiếm đất của gia đình ông T1, trước mặt gia đình ông C1 là lối đi thẳng ra mặt đường tỉnh lộ 398 (nay là quốc lộ 17), mốc giới hạn an toàn giao thông đường bộ và xác định phần đường đi mà ông T1 bà T2 yêu cầu là đường đi chung của tập thể chứ không phải của riêng ông T1, do đó gia đình ông C1 cũng có quyền đi con đường này.

Về yêu cầu bồi thường công tác tạo diện tích đường đi như hiện nay là 200m^3 , người được ủy quyền của bị đơn cũng nhất trí với kết quả định giá của Hội đồng định giá. Nay phía nguyên đơn yêu cầu gia đình ông C1 có trách nhiệm đền bù công sức tân tạo là 200m^3 , người được ủy quyền của bị đơn xác định gia đình ông C1 cũng đóng góp công sức tân tạo 150m^3 , còn ông T1 chỉ tân tạo khoảng 50m^3 .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Thế H2 trình bày: Anh là con trai của ông C1 và bà T3. Anh xác định về việc mua diện tích đất $36,25\text{m}^2$ trước cửa nhà anh là mua vào năm 2013 theo quyết định 191 của UBND tỉnh Bắc Giang như người được ủy quyền của bị đơn đã trình bày là đúng. Về việc tân tạo đường đi thì ông T1 trình bày là rộng 03m, dài 15m từ nhà ông T1 ra ngoài đường chạy qua cửa gia đình anh, anh xác định trước đây gia đình ông T1 có tân tạo, sau này gia đình anh có tân thêm đất và đổ bê tông lên trên. Nay anh xác định diện tích đất $36,25\text{m}^2$ nếu gia đình anh không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đề nghị UBND xã NghTr trả lại gia đình anh số tiền đã đóng trước là 76.400.00 đồng và gia đình anh sẽ tự tháo dỡ toàn bộ phần công trình xây dựng nằm trong diện tích đất $36,25\text{m}^2$.

2. Chị Nguyễn Thị L1 trình bày: Chị là vợ của anh Trần Thế H2, chị nhất trí với lời trình bày của anh H2 về nguồn gốc đất của gia đình ông C1 là đúng. Chị L1 có ý kiến trình bày hiện nay gia đình ông T1 đã xây dựng hai bờ tường chắn hoàn toàn lối đi từ cửa nhà chị ra đường quốc lộ 17. Nay chị xác định đây là lối đi chung của tập thể nhưng việc gia đình ông T1 đã xây chắn hoàn toàn lối đi của hộ gia đình anh chị nên chị yêu cầu gia đình ông T1 phải có trách nhiệm tháo dỡ hai bờ tường này.

3. Anh Trần Thế Ng1 trình bày: Anh là con trai của ông C1 và bà T3. Về con đường nằm trong diện tích tranh chấp trước đây chỉ có ông T1 đi lại, sau này gia đình anh được ông C1 cho đất để làm nhà thì anh đã xây nhà, trồng ngô và đi cùng con đường này. Khi trồng đường ra thì anh có tân tạo thêm và đổ bê tông. Năm 2013, bố mẹ anh là ông C1 bà T3 có mua đất theo quyết định 191 của UBND tỉnh Bắc Giang thì gia đình anh đã xây dựng phần mái lợp tôn khoảng 10m^2 trên phần diện tích đã mua. Anh xác định diện tích đất $36,25\text{m}^2$ nếu gia đình anh không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đề nghị UBND xã NghTr trả lại gia đình anh số tiền đã đóng trước là 76.400.00 đồng và gia đình anh sẽ tự tháo dỡ toàn bộ phần công trình xây dựng nằm trong diện tích đất $36,25\text{m}^2$.

4. Chị Trần Thị Ch1 trình bày: Chị là vợ của anh Trần Thế Ng1, chị xác định lời trình bày của anh H2, chị L1 về nguồn gốc đất của gia đình ông C1 là đúng. Năm 2004 gia đình chị đã xây nhà hai tầng và làm nhà máy xay sát đều nằm hoàn toàn trong phần diện tích đất gia đình chị được cấp GCN QSD đất. Sau này chị có xây dựng thêm phần mái lợp tôn có diện tích 10m^2 trên phần diện tích thuộc hành lang giao thông, không thuộc phần diện tích được cấp GCN QSD đất của gia đình

ông C1. Việc nguyên đơn yêu cầu gia đình chị tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng mà theo ông T1 xác định là nằm trên đường đi của gia đình ông T1 và chắn mất lối đi của gia đình ông T1 thì chị không đồng ý. Chị xác định diện tích đất 36,25m² nếu gia đình chị không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đề nghị UBND xã NghTr trả lại gia đình chị số tiền đã đóng trước là 76.400.00 đồng và gia đình chị sẽ tự tháo dỡ toàn bộ phần công trình xây dựng nằm trong diện tích đất 36,25m².

5. Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện VY là ông Lương Ngọc Đức trình bày: Ngày 15/11/2000, hộ ông Nguyễn Xuân T1 được cấp GCN QSD đất số 02615 được quyền sử dụng 1316m² đất, thửa đất số 355 có diện tích đất ở là 300m², đất vườn là 1016m². Cùng ngày 15/11/2000, hộ ông Trần Thế C1 được cấp GCN QSD đất số 02478 được quyền sử dụng 659m². Hiện nay lối đi đang tranh chấp giữa hai hộ ông T1 và hộ ông C1 được thể hiện có chiều rộng là 03m, chiều dài 15m thì xác định là đường đi chung, không nằm trong diện tích đất trong GCN QSD đất của hộ ông T1 hay hộ ông C1, cả hai hộ ông T1 và hộ ông C1 đều có quyền sử dụng. Đối với những công trình xây dựng trái phép của hộ ông T1 trên đường đi đang tranh chấp thì UBND huyện VY có quan điểm nếu công trình xây dựng trái phép trên diện tích đất của tập thể gây cản trở lối đi thì đề nghị Tòa án buộc hộ ông T1 phải tự động tháo dỡ.

6. Đại diện theo ủy quyền của UBND xã NghTr, ông Nguyễn Như Ng2 trình bày: Trước năm 1997, gia đình ông T1 có một lối đi nằm giáp ranh với đất thổ cư của hộ ông C1. Sau đó, gia đình ông T1 có đổi đất với tập thể để lấy 14m mặt đường giáp với đường tỉnh lộ 398, nay là Quốc lộ 17, còn tập thể lấy đất nhà ông T1 để phân lô bán đất. Sau khi đổi đất, ông T1 không sử dụng một phần lối đi cũ. Hộ ông C1 chia đất cho hai con là hộ anh Ng1 chị Ch1 và hộ anh H2 chị L1 xây dựng làm nhà ở nhưng chưa làm thủ tục tách GCNQSD đất. Hộ anh H2 sau khi xây dựng nhà ở đã tận dụng một phần lối đi cũ của hộ ông T1 không sử dụng và tân tạo một phần thung vũng đất thuộc hành lang đường làm lối đi ra Quốc lộ 17.

Đến năm 2007, ông T1 đã tân thung vũng và xây dựng công trình nhà phụ trợ và xảy ra tranh chấp lối đi với hộ ông C1. Đối với phần diện tích hai gia đình đang tranh chấp là diện tích này nằm trong hành lang giao thông, ông T1 ông C1 đều được sử dụng.

Trước khi có quy định về hành lang giao thông, UBND xã NghTr có hướng lập hồ sơ xử lý theo quyết định 191 của UBND tỉnh Bắc Giang đối với hai hộ ông T1 ông C1 và có hướng thông báo cho các hộ nộp tiền để hợp thức hoá với diện tích đất thực tế sử dụng là 2.400.000đồng/1m². Việc UBND xã NghTr có Biên bản bàn giao đất thực địa ngày 06/02/2013 cho hộ ông C1 là tạm giao cho ông C1 để hai hộ không còn tranh chấp nhau nữa. Hộ ông C1 sau đó có tạm nộp số tiền là 76.400.000đồng đối với diện tích 36,25m² như trong phiếu thu theo diện xử lý đất theo Quyết định 191 của UBND tỉnh Bắc Giang không liên quan đến việc Biên bản bàn giao đất thực địa ngày 06/02/2013 và UBND xã NghTr cũng không bán đất cho hộ ông C1 lấy số tiền trên. Sau khi có quy định về hành lang giao thông mới là 23,2m thì không đủ điều kiện chuyển đổi. Hiện nay Quyết định 191 đã hết hiệu lực, UBND xã NghTr sẽ trả lại số tiền 76.400.000đồng cho hộ ông C1 vì không triển khai thực hiện theo Quyết định 191 nữa.

Hiện nay hộ ông T1 xây dựng tường rào bít kín phần đường đi từ nhà anh H2 chị L1 ra Quốc lộ 17, ông T1 cho rằng đường đi này là lối đi riêng của gia đình nhà ông T1. Nhưng thực tế phần đường đi nằm trên đất tập thể và được hộ ông T1 tân tạo thủng vũng từ trước năm 1997.

7. Đại diện Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang là ông Nguyễn Văn B1 trình bày: Hành lang giao thông đường tỉnh lộ 398 (nay là quốc lộ 17) chạy qua Thôn Tr, xã NghTr, huyện VY hiện nay quy định là 15m tính từ mép chân mái đường đất và từ mép đường đào hoặc từ mép rãnh dọc hay rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên. Trước ngày 23/12/2014 thì đường chạy qua Thôn Tr, xã NghTr là đường tỉnh lộ 398 quy định là 10m theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng. Sau ngày 23/12/2014 theo Quyết định 4888/QĐ-BGTVT của Bộ giao thông vận tải thì đường tỉnh lộ 398 nâng cấp thành Quốc lộ 17. Việc xử lý vi phạm hành lang an toàn giao thông đối với các hộ dân sinh sống hai bên đường sẽ căn cứ vào Quyết định số 124/2012/QĐ-UBND ngày 11/5/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang để xử lý và giải quyết.

Đối với diện tích đất đang có tranh chấp giữa hộ ông T1 ông C1 thì nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông. Đối với những công trình xây dựng trái phép thuộc hành lang giao thông, nếu không ảnh hưởng đến hành lang giao thông thì tạm giao người dân được phép sử dụng nhưng không được xây dựng công trình, khi nào Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang có nhu cầu sử dụng thì người dân phải tự nguyện tháo dỡ.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 06/2/2018 của Tòa án nhân dân huyện VY đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T1 và bà Thân Thị T2 buộc gia đình ông Trần Thế C1 phải trả lại diện tích lối đi rộng 03m, dài 15m, diện tích 45m².

Buộc hộ gia đình ông T1 phải tháo dỡ hai bờ tường: Bờ tường thứ nhất chắn ngay trước cửa nhà chị L1 anh H2 và chị Trâm anh Ng1 có chiều dài 14,7m, chiều cao là 1,5 m, chiều rộng là 0,12m; bờ tường thứ hai xây được xây tiếp giáp từ đầu hồi của căn nhà gạch mái xô xi măng của nhà ông T1 và tiếp giáp quốc lộ 17 có chiều dài 7,6m, chiều cao là 0,7m, chiều rộng là 0,12m.

Tạm giao phần diện tích thuộc quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cho hai hộ anh Ng1 chị Ch1 và gia đình anh H2 chị L1 được sử dụng, nếu trong quá trình quản lý của mình nếu Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang có nhu cầu sử dụng diện tích trên thì hai hộ gia đình trên phải tự động tháo dỡ các công trình đã xây dựng trên đó để trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang (cụ thể diện tích lấn chiếm phải tháo dỡ do lấn chiếm là bao nhiêu thì Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang sẽ có văn bản cụ thể cho từng hộ trên cơ sở quy định về phần quản lý của mình).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu Thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 21/2/2018, ông Nguyễn Xuân T1 là nguyên đơn kháng cáo, ngày 23/2/2018, ông T1 nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm buộc gia đình ông C1, bà T3 trả lại con đường đi cho gia đình ông.

Tại phiên Toà phúc thẩm, ông Nguyễn Xuân T1 không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thoả thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T1, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND huyện VY, UBND xã NghTr và Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T1 thì thấy: Năm 1982, ông B1có nợ Thôn Tr, xã NghTr 2000kg thóc, gia đình ông T1 đã nhận trả nợ thay cho ông B1nên chính quyền địa phương đã bàn giao thửa đất của gia đình ông B1cho gia đình ông bà. Phía trước thửa đất ở là một cái ao, theo tờ bản đồ số 03 năm 1992 còn lưu trữ ở thôn, xã thì có đường đi từ thửa đất của gia đình ông T1 ra ngõ, có chiều rộng là 03m, chiều dài khoảng 15m, chạy ra ngõ nhà ông Ch2. Đầu năm 1983, gia đình ông T1 đã làm nhà trên thửa đất này và xây tường bằng xỉ than để ngăn cách gia đình nhà Tài và gia đình ông C1. Hai gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp gì từ năm 1982 đến năm 2007.

Năm 1995, gia đình ông T1 có đổi cho Hợp tác xã một cái ao có diện tích 164m² có các cạnh tiếp giáp theo Biên bản đổi đất ngày 11/5/1995 cụ thể như sau: Phía đông giáp mép đường tỉnh lộ 34, cách ao làng; phía Tây bên cạnh bụi tre đến cổng nhà ông T1 dài 20m, trừ lộ giới đi 10m còn lại 10m, còn lại nằm về phía Bắc chạy theo đường 34 (nay là quốc lộ 17) Bắc Giang đi Nhã Nam dài 14m hướng về phía Đông; phía Tây Nam dài từ đường 34 (nay là quốc lộ 17) từ Đông sang Tây là 22m trừ lộ giới 10m còn lại 12m.

Ngày 15/11/2000, gia đình ông T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02615 được quyền sử dụng 1316m² đất, thửa đất số 355 có diện tích đất ở là

300m², đất vườn là 1016m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T1 vẫn theo đất cũ của ông bà năm 1982, mà không chỉnh lý bổ sung theo hiện trạng đồi đất của năm 1995, vì vậy diện tích ao đồi cho Hợp tác xã không nằm trong diện tích đất trên.

Về nguồn gốc đất của gia đình ông C1: Gia đình ông C1 đã sinh sống ổn định trên đất từ năm 1954, đến năm 2000 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02478 ngày 15/11/2000 với diện tích 659m². Năm 2004, hộ ông C1 chia đất cho hai con là hộ anh Trần Thế Ng1 chị Trần Thị Ch1 và hộ anh Trần Thế H2 chị Nguyễn Thị L1 xây dựng làm nhà ở nhưng chưa làm thủ tục tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các hộ anh Ng1 chị Ch1 và hộ anh H2 chị L1 sau khi xây dựng nhà ở đã tận dụng một phần lối đi cũ của hộ ông T1 và tân tạo một phần thung vũng đất thuộc hành lang đường làm lối đi ra Quốc lộ 17. Năm 2013 theo quyết định 191 của UBND tỉnh Bắc Giang, gia đình anh H2 và anh Ng1 làm thủ tục mua diện tích 36,25m² theo Quyết định 191 của UBND tỉnh Bắc Giang, tổng số tiền phải đóng là 86.400.000đồng, gia đình ông C1 đã đóng trước 76.400.000đồng, còn 10.000.000đồng thì khi nào xong thủ tục thì đóng tiếp. Ngày 06/02/2013, UBND xã NghTr đã bàn giao đất thực địa cho gia đình ông C1. Tuy nhiên đến nay gia đình ông C1 chưa được cấp GCN QSD đất cho phần đất đã mua và cũng không nhận được thông báo gì. Hiện tại gia đình anh Ng1, chị Ch1 đã xây dựng phần mái lợp tôn trên phần diện tích 36,25m² đất đã mua.

Phần đường đi đang có tranh chấp được thể hiện cụ thể như sau: chiều rộng 03m, chiều dài chạy dọc theo đất nhà ông C1 là 15m. Tại Công văn số 65/CV-UBND ngày 02/7/2007 của Ủy ban nhân dân xã NghTr đã kết luận: “Phần đường đi chung (hiện đang có tranh chấp): là đường từ ngõ trong làng đi ra đường tỉnh lộ 398 có vị trí: Phía đông giáp đất ao tập thể và giáp đường 398; phía tây bắc giáp đất ông C1, phía tây giáp đất ông T1, phía nam giáp đất ông Chính được hình thành từ trước năm 1990 là lối đi chung của tập thể. Qua kiểm tra đối chiếu trên bản đồ năm 1988 lưu trữ tại Thôn Tr: phần đường đi chung này được thể hiện trên bản đồ có chiều rộng là 3.0m, chiều dài dọc theo đất ông C1 là 15.0m và cách tìm đường tỉnh lộ 398 là 10.5m. Ngày 18/6/2007, Ủy ban nhân dân xã đã kiểm tra xác minh diện tích đất của hai hộ gia đình ông T1 và ông C1, được biết hai thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện VY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 và có thể hiện đường đi chung giáp ranh 2 thửa đất (nghĩa là phần diện tích đất đường đi chung là của tập thể).”

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng xác định phần lối đi từ cổng nhà ông T1 đến nhà ông T1 là đất nằm trong diện tích đất mà gia đình ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn phần lối đi từ cổng nhà ông T1 có chiều rộng 03 mét, chiều dài 15 mét chạy dọc theo đất nhà ông C1 đến ngõ nhà ông Ch2 là đất công, đất của tập thể, phần đường đi đang tranh chấp giữa gia đình ông T1 và gia đình ông C1 là lối đi chung của tập thể, không thuộc quyền sử dụng của riêng hộ ông T1 cũng như hộ ông C1.

Căn cứ Quyết định số 1183/QĐ-TCĐBVN ngày 07/5/2015 của Tổng cục đường bộ Việt Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý tuyến Quốc lộ 17 thuộc địa phận các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và Thái Nguyên quy định: “Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang quản lý bảo trì và khai thác tuyến từ Km51+700 (ranh giới giữa

hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang) đến Km108+800 dài 57,1 km. Gồm các đoạn: Đoạn 6: Từ km 51+600 đến Km92+800, dài 38,2km (đường ĐT.398 cũ)". Vì vậy Quốc lộ 17 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hiện do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang chịu trách nhiệm quản lý, bảo trì và khai thác. Căn cứ Quyết định số 124/2012/QĐ-UBND ngày 11/5/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang thì quy định về đường tỉnh lộ 17 thì phạm vi đất dành cho đường bộ là 22,5m (tính từ tim đường ra mỗi bên).

Căn cứ theo biên bản định giá ngày 08/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện VY xác định diện tích lối đi chung có chiều rộng 3,0m, chiều dài 15,0m, diện tích là 45m² nằm hoàn toàn trong hành lang giao thông của Quốc lộ 17.

Căn cứ các chứng cứ nêu trên xác định phần diện tích lối đi đang tranh chấp có chiều rộng 3,0m, chiều dài 15,0m chạy dọc theo đất nhà ông C1, được hình thành từ năm 1990. Trước đây lối đi này được gia đình ông T1 tự tân tạo và chỉ có gia đình ông T1 sử dụng, đến năm 2007 khi hộ anh H2 chị L1 và hộ anh Ng1 chị Ch1 xây nhà ở và mở lối đi ra quốc lộ 17 đã sử dụng chung lối đi này. Lối đi này không nằm trong phần diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T1 hay hộ ông C1 và được xác định là đất của tập thể thuộc sự quản lý, bảo trì và khai thác của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang. Vì vậy việc ông T1 yêu cầu gia đình ông C1 phải trả lại phần diện tích lối đi đang tranh chấp có chiều rộng là chiều rộng 3,0m, chiều dài 15,0m như yêu cầu khởi kiện của ông T1 là không có căn cứ để chấp nhận. Toà sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T1 và bà Thân Thị T2 buộc gia đình ông Trần Thế C1 phải trả lại diện tích lối đi chiều rộng 3,0m, chiều dài 15,0m, diện tích 45m² là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận đối với kháng cáo của ông T1.

Ngày 08/8/2017, gia đình ông T1 đã xây hai bờ tường bằng gạch bít lối đi của gia đình anh H2 chị L1 cụ thể: Bờ tường thứ nhất chắn ngay trước cửa nhà chị L1 anh H2 và chị Ch1 anh Ng1 có chiều dài 14,7m, chiều cao là 1,5m, chiều rộng là 0,12m; bờ tường thứ hai xây được xây tiếp giáp từ đầu hồi của căn nhà gạch mái xô xi măng của nhà ông T1 và tiếp giáp quốc lộ 17 có chiều dài 7,6m, chiều cao là 0,7m, chiều rộng là 0,12m. Khoảng cách giữa hai bờ tường tính từ đầu hồi của căn nhà gạch mái xô xi măng của nhà ông T1 được tính trên 03 điểm, điểm đầu tiên là 4,0m, điểm tiếp theo là 2,7m và điểm cuối cùng là 2,8m. Theo Điều 176 Bộ luật dân sự quy định: “Chủ sở hữu bất động sản chỉ được dựng cột mốc, hàng rào, trồng cây, xây tường ngăn trên phần đất thuộc quyền sử dụng của mình”. Hội đồng xét xử xét thấy lối đi đang tranh chấp giữa hộ ông T1 và hộ ông C1 là đất của tập thể, không thuộc quyền sử dụng của riêng hộ ông T1 hay hộ ông C1, việc hộ ông T1 xây tường rào ngay trên đất thuộc lối đi chung gây cản trở việc sử dụng đất của những gia đình khác là hành vi lấn chiếm đất đai theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Toà sơ thẩm xử buộc hộ ông T1 phải tháo dỡ hai bờ tường này để trả lại lối đi chung cho các hộ liên kề là có căn cứ.

Tại phiên Tòa phúc thẩm ông T1 không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào khác để bảo vệ cho kháng cáo của mình nên không có cơ sở để xem xét kháng cáo của ông T1 cũng như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T1 được.

[3] Về án phí: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án là Giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Xuân T1, thì ông T1 sinh ngày 05/9/1952. Theo Sổ hộ khẩu thì bà Thân Thị T2 sinh năm 1956. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/2/2018) thì ông T1 bà T2 đã trên 60 tuổi (là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi). Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì người cao tuổi được miễn án phí nên ông T1 bà T2 thuộc trường hợp được miễn án phí, Tòa sơ thẩm xử buộc ông T1 bà T2 phải chịu 250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần sửa án sơ thẩm về tiền án phí ông T1 bà T2 phải chịu. Hoàn trả ông T1 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 26, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 6 Luật đất đai 2013. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T1, sửa bản án sơ thẩm về tiền án phí.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T1 và bà Thân Thị T2 buộc gia đình ông Trần Thế C1 phải trả lại diện tích lối đi chiều rộng 3,0m, chiều dài 15,0m, diện tích 45m².

Buộc hộ gia đình ông T1 phải tháo dỡ hai bờ tường: Bờ tường thứ nhất chắn ngay trước cửa nhà anh Trần Thế H2, chị Nguyễn Thị L1 và anh Trần Thế Ng1 chị Trần Thị Ch1 có chiều dài 14,7m, chiều cao là 1,5 m, chiều rộng là 0,12m; bờ tường thứ hai xây được xây tiếp giáp từ đầu hồi nhà xây gạch mái xô xi măng của gia đình ông T1 và tiếp giáp quốc lộ 17 có chiều dài 7,6m, chiều cao là 0,7m, chiều rộng là 0,12m (Có sơ đồ kèm theo).

Tạm giao phần diện tích thuộc quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cho hai hộ anh Ng1 chị Ch1 và gia đình anh H2 chị L1 được sử dụng, nếu trong quá trình quản lý của mình nếu Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang có nhu cầu sử dụng diện tích trên thì hai hộ gia đình trên phải tự động tháo dỡ các công trình đã xây dựng trên đó để trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang (cụ thể diện tích lấn chiếm phải tháo dỡ do lấn chiếm là bao

nhiều thì Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang sẽ có văn bản cụ thể cho từng hộ trên cơ sở quy định về phân quản lý của mình).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T1 và bà Thân Thị T2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông T1 bà T2 250.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2012/03624 ngày 02/02/2015. Hoàn trả ông Nguyễn Xuân T1 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2012/04859 ngày 23/02/2018 đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện VY.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện VY, tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện VY;
- Các đương sự;
- UBND NghTr Việt Yên- Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, TT Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Gia Lương